

Bản án số: 136/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/8/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chát.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
2. Ông Hoàng Sĩ Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2022/TLST-HNGĐ ngày 08/6/2022 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Ngọc N**, sinh năm: 1987

Nơi ĐKKHKT: K, T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: 116A/RC Khu vực B A, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ, Việt Nam. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của chị N: Anh Vương Văn Q, sinh năm 1981.

Địa chỉ cư trú: K, T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Vương Văn Q1**, sinh năm 1985.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: K, T, thành phố H, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Nơi cư trú hiện nay: Vương quốc Anh. (Vắng mặt).

3. Người làm chứng: Ông Vương Văn C, sinh năm 1955. Địa chỉ cư trú: K, T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Ngọc N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Q1 quen biết nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện trong khoảng thời gian ngắn thì quyết định đăng ký kết hôn vào ngày 15 tháng 8 năm 2011 tại UBND xã T (nay là UBND phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương, Việt Nam). Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại nhà anh Q1 ở tại K, T, thành phố H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách trái ngược nhau nên thường xuyên cãi nhau. Năm 2018 anh chị đã ly thân do chị N chuyển về nhà mẹ đẻ ở tại Cần Thơ. Năm 2021 anh Q1 đi lao động tại Vương quốc Anh. Vợ chồng anh chị ly thân từ năm 2018 đến nay không ai liên lạc với ai. Nay chị N xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục mối quan hệ vợ chồng với anh Q1 nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q1.

- Về quan hệ con chung: Chị N và anh Q1 có một con chung là Vương Nhật L, sinh ngày 23/08/2011. Hiện cháu đang ở cùng ông bà nội, do ông bà nội nuôi dưỡng, chăm sóc từ bé. Anh Q1 có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con khi vợ chồng ly hôn và tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Cháu L cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở với bố và hiện ở cùng ông bà nội. Nên khi vợ chồng ly hôn chị N có quan điểm đề nghị tòa án giải quyết để anh Q1 tiếp tục nuôi con. Anh Q1 tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chị N đồng ý.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị N và anh Q1 không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai, bố đẻ của anh Vương Văn Q1 là ông Vương Văn C trình bày: Ông C là bố đẻ của anh Vương Văn Q1 và chị Nguyễn Ngọc N là vợ anh Q1 và là con dâu của ông. Anh Q1 và chị N kết hôn tự nguyện và có đăng ký tại UBND phường T. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống chung cùng gia đình ông. Mâu thuẫn của anh Q1 và chị N đã tồn tại nhiều năm nay và gia đình ông có nắm được. Khi chị N nộp đơn xin ly hôn có trao đổi với ông nên ông đã nắm được sự việc và thông báo cho con trai là anh Q1 biết. Năm 2018 chị N đã về nhà mẹ đẻ ở Cần Thơ và vợ chồng anh chị ly thân từ đó đến

nay. Hiện con trai ông là anh Vương Văn Q1 đang lao động bên Anh còn con dâu ông là chị Nguyễn Ngọc N hiện đang sống tại nhà mẹ đẻ ở Cần Thơ. Do anh Q1 không nói địa chỉ cụ thể nên ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Q1 tại Anh cho Tòa án được. Gia đình vẫn thường xuyên liên lạc với anh Q1 nên ông C nhận các văn bản tố tụng của Tòa án để thông báo cho anh Q1 biết việc chị N đang yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, đồng thời thông báo nội dung các văn bản tố tụng của tòa án cho anh Q1 biết. Qua trao đổi thì ông được anh Q1 cho biết anh Q1 có quan điểm rằng vợ chồng ly thân đã lâu, có mâu thuẫn nên chị N xin ly hôn anh Q1 đồng ý. Anh Q1 xác định vợ chồng có 01 con chung là Vương Nhật L sinh ngày 23/8/2011 hiện đang ở cùng với ông C. Khi ly hôn anh Q1 có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, do hiện anh Q1 không có mặt ở Việt Nam nên ủy quyền cho ông C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu. Về chi phí chăm sóc, ông C xác định do ông và anh Q1 tự thỏa thuận, không đề nghị tòa án giải quyết. Anh Q1 tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung anh Q1 xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do điều kiện công việc thường xuyên thay đổi địa chỉ nên anh Q1 không thể cung cấp địa chỉ cụ thể, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh Q1 và tổng đạt các văn bản thông qua bố đẻ anh là ông C. Ông C đồng ý nhận thay để thông báo cho anh Q1. Ngoài ra ông C không trình bày hay có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay:

Các đương sự đều vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đến nay tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa cũng như những người tham gia tố tụng cơ bản tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56,81,82,83 Luật HN&GD năm 2014, Điều 147 BLTTDS năm 2015, Nghị quyết 326 quy định về án phí, lệ phí Tòa án chấp nhận xử cho chị Nguyễn Ngọc N được ly hôn anh Vương Văn Q1. Giao cho anh Q1 được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vương Nhật L sinh ngày 23/8/2011. Chị N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết: Chị Nguyễn Ngọc N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Vương Văn Q1 là người Việt Nam hiện đang lao động tại Vương quốc Anh, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương. Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Theo Công văn của Cục quản lý xuất nhập cảnh, lần gần nhất anh Q1 xuất cảnh là vào ngày 29/11/2021. Từ đó đến nay anh Q1 chưa nhập cảnh lần nào.

Đơn xin ly hôn và đơn xin xử vắng mặt của chị N đều được chứng thực tại Văn phòng công chứng Nguyễn Ngọc Long, thành phố Cần Thơ nên được công nhận là hợp pháp theo quy định tại Điều 77 Luật Công chứng năm 2014. Giấy ủy quyền, bản tự khai và đơn đề nghị của chị N đều có xác nhận của UBND phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương nên được công nhận là hợp pháp theo quy định tại Điều 5 của Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015.

Chị Nguyễn Ngọc N hiện nay sống và làm việc ở Cần Thơ nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho anh Vương Văn Q giao, nhận các văn bản tố tụng với Tòa án.

Anh Q đồng ý nhận ủy quyền của chị N để giao nộp và nhận các tài liệu, giấy tờ, quyết định của tòa án, anh Q cam đoan do chị N đang ở Cần Thơ nên có nguyện vọng xin được giải quyết vắng mặt và anh Q sẽ có trách nhiệm thông báo và giao lại cho chị N các giấy tờ, tài liệu, quyết định của tòa án.

Về việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn: Chị N chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh Q1 ở Việt Nam nhưng không cung cấp được địa chỉ của anh Q1 tại nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu bố đẻ anh Q1 là ông Vương Văn C cung cấp địa chỉ của anh Q1 đến lần thứ hai nhưng ông C cũng không biết địa chỉ của anh Q1 tại Vương quốc Anh. Tuy nhiên ông C vẫn liên lạc được với anh Q1 nên đã nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho anh Q1. Đồng thời, Tòa án cũng tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị N vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh Q1 vắng mặt mặc dù đã được Tòa án thông báo qua thân nhân và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị N và anh Q1 là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Q1 tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp

pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách trái ngược nhau nên thường xuyên cãi nhau. Năm 2018 chị N chuyển về nhà mẹ đẻ ở Cần Thơ và anh chị ly thân. Năm 2021 anh Q1 đi lao động tại Anh Quốc. Vợ chồng anh chị ly thân từ năm 2018 đến nay không ai liên lạc với ai.

Xét thấy tình trạng vợ chồng giữa chị N và anh Q1 đã trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên. Thông qua ông C thì anh Q1 cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, ly thân đã lâu, đồng ý ly hôn với chị N nên cần chấp nhận cho chị N ly hôn với anh Q1 là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị N và anh Q1 cùng xác định có 01 con chung là Vương Nhật L sinh ngày 23/8/2011, hiện đang ở với ông bà nội, cháu có chỗ ở và nơi học tập ổn định, được ông bà nội chăm sóc từ bé chu đáo. Cháu L có nguyện vọng ở với bố và hiện tại bố không có mặt ở Việt Nam thì ở cùng với ông bà nội, do ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Bản thân anh Q1 cũng có nguyện vọng được nuôi con và ông C là bố anh Q1 cũng xác định nhận ủy quyền của anh Q1 để tiếp tục nuôi dưỡng cháu, chi phí nuôi dưỡng ông C và anh Q1 tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết. Chị N cũng có nguyện vọng đề nghị tòa án giải quyết cho anh Q1 nuôi con. Anh Q1 tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung, chị N đồng ý.

Do đó cần chấp nhận cho anh Q1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành là phù hợp với nguyện vọng của con chung và nguyện vọng của anh Q1 và chị N. Trong thời gian anh Q1 không ở Việt Nam thì cháu L sẽ do bố đẻ của anh Q1 là ông C tiếp tục chăm sóc thay. Chi phí chăm sóc cháu L do ông C và anh Q1 tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xét. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Q1 không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị N và anh Q1 cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 474, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Nguyễn Ngọc N** được ly hôn anh **Vương Văn Q1**.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là **Vương Nhật L** sinh ngày 23/8/2011 cho anh Vương Văn Q1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và do ông Vương Văn C, sinh năm 1955, địa chỉ cư trú: K, T, thành phố H, tỉnh Hải Dương tiếp tục thay anh Q1 chăm sóc trong thời gian anh Q1 không ở Việt Nam. Chị N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị Nguyễn Ngọc N có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) đồng án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2021/0000393 ngày 07/6/2022. Chị N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Ngọc N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Vương Văn Q1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Chất